

Số: 1169/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 9, ngày 29 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 983/2020/TLST-VHNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Nguyễn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: số A đường Đ, khu phố 2, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần N, sinh năm: 1989

Địa chỉ: khóm X, phường D, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn T và ông Trần N chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số S, quyển số 01/2009 ngày 21/12/2009).

Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn T và ông Trần N phát sinh mâu thuẫn do đôi bên không hòa hợp, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đôi bên sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không hàn gắn được tình cảm, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà Nguyễn T và ông Trần N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: bà Nguyễn T và ông Trần N có 01 người con chung Trần H, sinh ngày 06/01/2010. Bà Nguyễn T và ông Trần N thỏa thuận ly hôn bà Nguyễn T là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung; ông Trần N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) kể từ khi Quyết định

có hiệu lực pháp luật cho đến khi các người con đủ tròn 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do đôi bên tự thực hiện trực tiếp với nhau.

[3] Về tài sản chung: bà Nguyễn T và ông Trần N xác định không có.

Về nợ chung: bà Nguyễn T và ông Trần N xác định không có.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T và ông Trần N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số S, quyển số 01/2009, ngày 21/12/2009 do Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Nguyễn T và ông Trần N không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: bà Nguyễn T là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Trần H, sinh ngày 06/01/2010; Ông Trần N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con đủ tròn 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do đôi bên tự thực hiện trực tiếp với nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: không có.

Nợ chung: đương sự xác định không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: : Bà Nguyễn T và ông Trần N mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được cân trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0047017 ngày 06/11/2020 của Cơ quan thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn T và ông Trần N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.9;
- UBND P. A, TX. Hồng Ngự,
Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Nhung

